

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 137, đường K, Tổ 1, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T.

Bị đơn: Bùi Thanh N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 137, đường K, Tổ 1, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Bùi Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T.

Sau khi kết hôn, chị T và anh N thuê nhà trọ sinh sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2012, sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị T và anh N thường xuyên tranh cãi. Mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đầu năm 2017, chị T và anh N dời đến sinh sống tại số 137, đường K, Tổ 1, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T. Mỗi lần cãi nhau, anh N bỏ nhà đi về nhà em gái sinh sống ở tỉnh D, vài tuần mới về.

Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm nên chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh N.

Con chung: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Bùi Thanh N có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Yến V, sinh ngày 01/8/2008. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 14/4/2018, bị đơn Bùi Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Anh Bùi Thanh N và chị Nguyễn Ngọc T có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Yến V, sinh năm 2008. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T.

Khi ly hôn, anh N đồng ý chị T được tiếp tục nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ tự thỏa thuận riêng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Thanh N nhưng anh N không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Bùi Thanh N có địa chỉ tại xã T, thành phố L, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Theo xác nhận của Công an xã T, thành phố L thì anh Bùi Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 137, đường K, Tổ 1, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T, không thường xuyên sinh sống tại địa phương, có đi có về. Chị T cũng thừa nhận anh N có đi có về tại số 137, đường K, Tổ 1, Ấp 3, xã T, thành phố L, tỉnh T, anh N biết việc chị T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, khi Tòa án mời anh N thì chị T đều báo lại cho anh N biết nhưng anh N cho rằng không đến Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Chị T đồng ý việc xét xử vắng mặt anh N tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc T và anh Bùi Thanh N được xác lập vào năm 2006, do chị T tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh N. Tại văn bản ý kiến đề ngày 14/4/2018, anh N trình bày đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh N không có mặt tại phiên tòa để trình bày về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh N có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Thanh N, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung*: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Bùi Thanh N có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Yến V, sinh ngày 01/8/2008. Hiện nay, con chung đang

sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, con chung tên: Bùi Nguyễn Yên V có nguyện vọng được sống chung với chị T. Tại văn bản ý kiến đề ngày 14/4/2018, anh N trình bày đồng ý chị T được tiếp tục nuôi con chung nhưng anh N không có mặt tại phiên tòa để trình bày về việc nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung tên Bùi Nguyễn Yên V có nguyện vọng được sống chung với chị T. Con chung tên Bùi Nguyễn Yên V sống chung và gần gũi với chị T ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Tiếp tục giao con chung tên Bùi Nguyễn Yên V, sinh ngày 01/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; Tại văn bản ý kiến đề ngày 14/4/2018, anh N trình bày tự thỏa thuận riêng với chị T về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh N không có mặt tại phiên tòa để trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung*: Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ. Tại văn bản ý kiến đề ngày 14/4/2018, anh N trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nhưng anh N không có mặt tại phiên tòa để trình bày về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí*: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Bùi Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T, chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Thanh N.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T. Tiếp tục giao con chung tên Bùi Nguyễn Yến V, sinh ngày 01/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống chung với chị T.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 04924 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- THADS TPCL;
- UBND T, huyện N, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên